

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trúng tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
1	10A18	Đặng Trần Gia An	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
2	10A08	Lê Thanh Bảo An	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
3	10A09	Lê Thùy An	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
6	10A17	Nguyễn Ngô Gia An	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
7	10A09	Nguyễn Ngọc Hoài An	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
8	10A08	Nguyễn Phước Trường An	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
9	10A18	Nguyễn Tấn An	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
10	10A20	Nguyễn Thị Thùy An	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
11	10A14	Nguyễn Thu Hà An	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
12	10A01	Nguyễn Thúy An	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
13	10A07	Trần Hoài An	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
15	10A14	Vũ Trần An An	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
16	10A16	Lương Quang Ân	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
17	10A13	Nguyễn Hồ Thiên Ân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
18	10A12	Đặng Trần Tuyết Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
19	10A01	Đặng Võ Nhật Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
20	10A19	Đoàn Ngọc Bảo Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
21	10A20	Hoàng Ngọc Anh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
22	10A02	Hoàng Nguyễn Quang Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
23	10A03	Hoàng Sỹ Tiến Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
24	10A17	Huỳnh Vũ Thu Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
25	10A08	Lê Nguyễn Kim Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
26	10A20	Lê Phương Anh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
27	10A02	Lê Thụy Quỳnh Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
28	10A03	Lê Trương Quỳnh Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
29	10A13	Lê Vân Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
30	10A19	Lương Hoài Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
31	10A14	Lương Mỹ Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
32	10A08	Lý Hoàng Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
33	10A02	Ngô Lưu Bảo Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
34	10A04	Ngô Phương Tuấn Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
35	10A16	Nguyễn Bảo Anh	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
36	10A03	Nguyễn Công Quốc Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
37	10A02	Nguyễn Hoàng Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
38	10A07	Nguyễn Hoàng Kim Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
39	10A17	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
40	10A02	Nguyễn Huỳnh Lan Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
41	10A03	Nguyễn Ngân Kỳ Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
42	10A14	Nguyễn Nhật Minh Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
43	10A17	Nguyễn Phạm Chiêu Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
44	10A06	Nguyễn Thái Phương Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
45	10A05	Nguyễn Thị Thảo Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
46	10A17	Nguyễn Trần Lan Anh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
47	10A14	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
48	10A11	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
49	10A12	Nguyễn Việt Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
50	10A16	Phạm Huỳnh Nam Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trúng tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
51	10A15	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	Nam		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
52	10A19	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
53	10A15	Phan Ngọc Quỳnh Anh	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
54	10A19	Phan Nguyễn Phương Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
55	10A03	Phùng Thế Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
56	10A12	Trần Công Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
57	10A08	Trần Đồng Minh Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
58	10A13	Trần Mai Quỳnh Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
59	10A10	Trần Minh Anh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
60	10A09	Trần Ngọc Phương Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
61	10A06	Trần Quỳnh Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
62	10A06	Trần Trâm Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
63	10A04	Trần Việt Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
64	10A13	Trương Quốc Anh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
65	10A03	Vũ Quang Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
66	10A20	Vũ Trần Ngọc Anh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
67	10A08	Vũ Văn Anh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
68	10A13	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
69	10A17	Võ Thị Minh Ánh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
70	10A02	Nguyễn Đình Ba	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
71	10A05	Nghiêm Trần Sơn Bách	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
74	10A06	Nguyễn Lê Khánh Băng	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
75	10A14	Phạm Băng Băng	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
76	10A01	Nguyễn Huỳnh Anh Băng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
77	10A11	Bùi Đào Gia Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
78	10A12	Đàm Nguyên Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
79	10A09	Đào Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
80	10A10	Đoàn Gia Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
81	10A13	Hồ Công Quốc Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
82	10A09	Huỳnh Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
83	10A05	Lê Duy Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
84	10A11	Nguyễn Bảo Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
85	10A05	Nguyễn Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
86	10A10	Nguyễn Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
87	10A09	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
88	10A07	Nguyễn Huỳnh Đăng Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
89	10A13	Trần Gia Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
90	10A03	Trần Hiếu Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
91	10A15	Trần Hoàng Gia Bảo	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
92	10A12	Trần Quân Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
93	10A12	Trần Thiên Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
94	10A07	Trần Văn Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
95	10A09	Tu Phan Gia Bảo	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
96	10A07	Võ Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
97	10A11	Vũ Gia Bảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
99	10A18	Nguyễn Hoàng Bin	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
100	10A04	Ngo DuyBinh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
101	10A07	Phan Nguyễn Nhã Ca	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
102	10A08	Lê Phan Cao	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
103	10A07	Bùi Trinh Hoàng Cát	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
104	10A12	Dương Thị Thanh Châu	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
105	10A18	Hà Bảo Châu	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
106	10A01	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
107	10A19	Nguyễn Ý Mỹ Châu	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
108	10A08	Phạm Ngọc Hải Châu	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
109	10A05	Phan Ngọc Minh Châu	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
110	10A18	Kheo Thùy Chi	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
111	10A15	Phan Mỹ Chi	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
112	10A10	Võ Đoàn Lam Chi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
113	10A09	Vũ Diệp Chi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
114	10A11	Nguyễn Thành Công	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
115	10A15	Lê Nguyễn Kim Cúc	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
116	10A17	Nguyễn Huỳnh Kiên Cường	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
117	10A05	Nguyễn Thế Cường	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
118	10A08	Tổng Vũ Mạnh Cường	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
119	10A16	Trần Chí Đại	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
120	10A15	Bùi Vũ Quỳnh Đan	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
121	10A19	Đặng Đình Đăng	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
122	10A16	Đào Hải Đăng	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
123	10A13	Lê Hải Đăng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
124	10A02	Lê Hoàng Đăng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
125	10A03	Trần Đỗ Nhật Đăng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
126	10A18	Trần Khánh Đăng	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
127	10A02	Nguyễn Bá Thành Danh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
128	10A05	Nguyễn Tấn Công Danh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
129	10A13	Nguyễn Thanh Danh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
130	10A09	Đặng Đình Minh Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
131	10A17	Hồ Tấn Đạt	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
132	10A16	Lê Hữu Tấn Đạt	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
133	10A08	Lương Thành Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
134	10A10	Nguyễn Lâm Phương Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
135	10A03	Nguyễn Quang Tiên Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
136	10A04	Nguyễn Quốc Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
137	10A05	Trần Chí Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
138	10A11	Trương Phát Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
139	10A12	Võ Quốc Đạt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
140	10A14	Hoàng Lê ThànhĐạt	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
141	10A20	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
142	10A11	Nguyễn Thị Kim Diễm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
143	10A19	Nguyễn Trần Kiều Diễm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
144	10A17	Trần Kiều Diễm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
145	10A04	Hoàng Xuân Định	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
146	10A17	Bùi Mạnh Đức	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
147	10A13	Bùi Quang Đức	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
148	10A15	Lê Lâm Hồng Đức	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
149	10A11	Nguyễn Duy Đức	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
150	10A18	Trần Anh Đức	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
151	10A04	Trần Y Đức	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
152	10A04	Trịnh Minh Đức	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
153	10A07	Võ Thị Hoàng Dung	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
154	10A02	Bùi Anh Dũng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
155	10A03	Đặng Quang Dũng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
156	10A01	Đinh Tân Dũng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
157	10A06	Hoàng Quốc Dũng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
158	10A07	Lương Tuấn Dũng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
159	10A11	Nguyễn Công Dũng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
160	10A16	Nguyễn Đức Dũng	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
161	10A06	Phạm Anh Dũng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
162	10A02	Lê Đăng Dương	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
163	10A20	Nguyễn Quốc Dương	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
164	10A13	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
165	10A06	Nguyễn Trí Dương	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
166	10A03	Hồ Hoàng Khánh Duy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
167	10A16	Lê Nguyễn Anh Duy	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
168	10A05	Nguyễn Đức Duy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
169	10A07	Nguyễn Đức Duy	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
170	10A09	Nguyễn Ngọc Duy	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
171	10A14	Nguyễn Quốc Duy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
172	10A07	Phạm Hoàng Khánh Duy	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
173	10A12	Lê Trần Kỳ Duyên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
174	10A10	Mai Thị Kỳ Duyên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
175	10A06	Nguyễn Lý Kỳ Duyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
176	10A16	Đặng Hoàng Gia	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
177	10A19	Nguyễn Trường Giang	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
178	10A01	Vũ Bảo Giang	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
179	10A14	Nguyễn Quỳnh Giao	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
181	10A17	Lê Đăng Minh Hà	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
182	10A14	Lê Thị Thu Hà	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
183	10A10	Ngô Vũ Hồng Hà	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
184	10A04	Nguyễn Lư Hà	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
185	10A19	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
186	10A15	Phan Ngọc Ngân Hà	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
188	10A04	Ngô Nam Hải	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
189	10A14	Nguyễn Đức Hoàng Hải	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
190	10A17	Phạm Thanh Hải	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
192	10A12	Hồ Bảo Hân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
193	10A15	Huỳnh Ngọc Bảo Hân	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
194	10A06	Lê Huỳnh Bảo Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
195	10A18	Lê Thị Mai Hân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
196	10A07	Nguyễn Đăng Ngọc Hân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
197	10A01	Nguyễn Duy Hân	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
198	10A06	Nguyễn Gia Hân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
199	10A05	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
200	10A10	Nguyễn Minh Gia Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
201	10A01	Phan Ngọc Gia Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
202	10A18	Phan Trần Gia Hân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
203	10A12	Phùng Ngọc Gia Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
204	10A02	Trần Gia Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
205	10A18	Trần Lê Ngọc Hân	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
206	10A01	Trần Ngọc Gia Hân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
207	10A17	Võ Ngọc Hân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
208	10A09	Nguyễn Ngọc Kim Hằng	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
209	10A20	Trần Thanh Hằng	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
210	10A18	Cao Diệu Hạnh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
211	10A18	Nguyễn Huỳnh Minh Hạnh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
212	10A05	Nguyễn Quốc Hào	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
213	10A17	Trần Quốc Hào	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
214	10A09	Trương Vĩnh Hào	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
215	10A09	Phạm Thị Hậu	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
216	10A12	Trần Huỳnh Văn Hậu	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
217	10A04	Hoàng Minh Hiền	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
218	10A12	Nguyễn Trung Hiền	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
219	10A01	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
220	10A05	Trần Thị Thu Hiền	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
221	10A20	Trương Quang Hiền	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
222	10A09	Bùi Mạnh Hiếu	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
223	10A05	Đàm Hoàng Minh Hiếu	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
224	10A08	Đinh Thành Hiếu	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
225	10A19	Huỳnh Ngọc Hiếu	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
226	10A16	Lê Nguyễn Minh Hiếu	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
227	10A15	Nguyễn Phương Hiếu	Nữ		Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
228	10A07	Nguyễn Quỳnh Hoa	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
229	10A15	Phạm Vũ Kim Hoàn	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
230	10A02	Đinh Xuân Hoàng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
231	10A04	Phạm Lê Tuấn Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
232	10A02	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
233	10A11	Nguyễn Huy Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
234	10A12	Nguyễn Minh Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
235	10A14	Nguyễn Minh Huy Hoàng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
236	10A08	Phan Minh Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
237	10A09	Trương Việt Hoàng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
238	10A11	Trần Thái Học	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
239	10A02	Phạm Quốc Hội	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
240	10A18	Vũ Đào Bách Hợp	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
241	10A19	Lê Hoàng Huân	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
242	10A03	Lê Mạnh Hùng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
243	10A09	Nguyễn Xuân Hùng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
244	10A01	Trần Thiện Hùng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
245	10A05	Văn Công Thái Hùng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
246	10A20	Nguyễn Bảo Hưng	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
247	10A12	Nguyễn Tiến Hưng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
248	10A12	Phạm Minh Hưng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
249	10A13	Phạm Minh Hưng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
250	10A20	Bùi Phan Quỳnh Hương	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
251	10A11	Nguyễn Hoàng Xuân Hương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
252	10A02	Nguyễn Ngọc Hương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
254	10A18	Phan Thị Thu Hương	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
255	10A14	Đỗ Trần Thanh Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
256	10A01	Đoàn Đức Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
257	10A10	Lâm Quốc Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
258	10A06	Lê Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
259	10A02	Lương Đức Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
260	10A19	Nguyễn Gia Huy	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
261	10A19	Nguyễn Lê Huy	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
262	10A02	Nguyễn Nhật Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
263	10A13	Nguyễn Trần Gia Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
264	10A12	Nguyễn Văn Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
265	10A04	Tô Hà Minh Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
266	10A16	Tô Văn Huy	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
267	10A02	Trần Anh Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
268	10A01	Trần Quốc Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
269	10A03	Trần Quốc Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
270	10A04	Trịnh Gia Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
271	10A10	Trương Gia Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
272	10A13	Ung Quốc Huy	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
273	10A14	Vũ Lê Ngọc Huy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
274	10A08	Đoàn Thị Kim Huyền	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
275	10A10	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
276	10A17	Phạm Ngọc Huyền	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
277	10A06	Hồ Min Hy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
278	10A16	Nguyễn Bá Minh Hy	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
279	10A10	Phạm Nhật Minh Hy	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
280	10A10	Trần Xuân Hy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
281	10A03	Hoàng NhượcHy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
282	10A02	Cao Trần Minh Kha	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
283	10A13	Nguyễn Hoàng Khải	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
284	10A03	Nguyễn Quang Khải	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
285	10A11	Tạ Quang Khải	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
286	10A11	Bùi Đoàn Bảo Khang	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
287	10A16	Đặng Phạm Gia Khang	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
288	10A01	Hà Nguyễn Phúc Khang	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
289	10A15	Lê Bá Minh Khang	Nam		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
290	10A05	Nguyễn Duy Khang	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
291	10A09	Nguyễn Lê Bảo Khang	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
292	10A10	Nguyễn Lữ Nguyên Khang	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
293	10A03	Nguyễn Thành Khang	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
294	10A11	Nguyễn Vương Khang	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
295	10A04	Quách Minh Khang	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
296	10A16	Trần Hữu Khang	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
297	10A05	Võ Tuấn Khang	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
298	10A14	TrịnhKhang	Nam		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
299	10A16	Nguyễn Xuân Khanh	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
301	10A12	Bùi Gia Khánh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
302	10A05	Bùi Hồ Nam Khánh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
303	10A19	Châu Ngân Khánh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
304	10A15	Đinh Gia Khánh	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
306	10A18	Huỳnh Ngân Khánh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
307	10A18	Huỳnh Nguyễn Kim Khánh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
308	10A02	Nguyễn Khánh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
309	10A03	Nguyễn Đức Khánh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
310	10A20	Nguyễn Kim Khánh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
311	10A12	Trần Quốc Khánh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
312	10A13	Huỳnh Gia Khiêm	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
313	10A03	Lữ Nguyễn Minh Khiêm	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
314	10A10	Nguyễn Gia Khiêm	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
315	10A03	Đặng Minh Khoa	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
316	10A04	Lê Nguyễn Duy Khoa	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
317	10A12	Nguyễn Hữu Bách Khoa	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
318	10A15	Nguyễn Phạm Anh Khoa	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
319	10A12	Phạm Đăng Khoa	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
320	10A07	Trần Nhật Khoa	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
321	10A02	Dương Quốc Khoa	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
323	10A13	Bùi Thụy Mai Khôi	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
324	10A07	Đặng Thái Mai Khôi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
325	10A13	Lê Khôi	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
326	10A16	Lê Song Tuấn Khôi	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
327	10A16	Nguyễn Đăng Khôi	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
328	10A10	Nguyễn Đăng Khôi	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
329	10A07	Nguyễn Phúc Đăng Khôi	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
330	10A12	Nguyễn Tân Khôi	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
332	10A10	Tổng Mai Khôi	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
333	10A20	Huỳnh Thụy Mai Khuê	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
334	10A04	Nguyễn Minh Khương	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
335	10A02	Trần Trung Kiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
336	10A11	Nguyễn Trung Kiên	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
337	10A04	Đỗ Tuấn Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
338	10A01	Hoàng Ngô Gia Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
339	10A13	Mai Tuấn Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
340	10A13	Nguyễn Anh Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
341	10A13	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
342	10A14	Phạm Hào Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
343	10A08	Phan Anh Kiệt	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
344	10A14	Trần Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
345	10A16	Trịnh Văn Kiệt	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
346	10A13	Đinh Tuấn Kiệt	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
348	10A02	Nguyễn Thiên Kim	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
349	10A06	Nguyễn Thiên Kim	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
350	10A09	Nguyễn Trần Thiên Kim	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
351	10A20	Hoàng Trúc Lam	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
352	10A08	Huỳnh Nhật Hải Lam	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
353	10A08	Lâm Tường Lam	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
354	10A11	Hồ Hữu Gia Lâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
355	10A14	Nguyễn Hoàng Lâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
356	10A05	Nguyễn Xuân Lâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
357	10A15	Phạm Ngọc Thùy Lâm	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
358	10A06	Quách Thanh Lâm	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
359	10A01	Nguyễn Hữu Lâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
360	10A15	Đặng Thanh Lan	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
361	10A07	Lê Thị Hà Lan	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
362	10A19	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
363	10A01	Phạm Thị Ngọc Lan	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
364	10A10	Lại Phan Thanh Liêm	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
365	10A06	Mai Hồng Liên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
366	10A06	Nguyễn Thùy Liên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
367	10A05	Đặng Phương Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
368	10A17	Hồ Ngọc Hà Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
369	10A14	Hoàng Khánh Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
370	10A15	Lê Diệu Linh	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
371	10A10	Lê Thuỳ Trúc Linh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
372	10A17	Lê Tuệ Linh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
373	10A20	Nguyễn Đỗ Phương Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
374	10A19	Nguyễn Hà Khánh Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
375	10A17	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
376	10A18	Nguyễn Hoàng Nhật Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
377	10A03	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
378	10A01	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
379	10A18	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
380	10A02	Nguyễn Trần Trúc Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
381	10A06	Phạm Bùi Khánh Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
382	10A15	Phạm Nguyễn Tú Linh	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
384	10A15	Trần Ngọc Linh	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
385	10A09	Trần Ngọc Khánh Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
386	10A20	Trần Phương Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
387	10A20	Trương Phan Yến Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
388	10A20	Võ Phạm Phương Linh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
389	10A19	Trần Hoàng Ánh Loan	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
390	10A01	Nguyễn Phúc Lộc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
391	10A04	Nguyễn Phước Lộc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
392	10A11	Phạm Tấn Lộc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
393	10A12	Tô Vương Tấn Lộc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
394	10A14	Trần Thành Lộc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
395	10A04	Dương Quốc Lợi	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
396	10A07	Bùi Hoàng Long	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
397	10A16	Đinh Nguyễn Ngọc Long	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
398	10A03	Hoàng Kỳ Long	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
399	10A15	Lê Đình Long	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
400	10A08	Nguyễn Đắc Quốc Long	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
401	10A05	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
402	10A01	Nguyễn Huỳnh Phi Long	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
403	10A18	Vũ Trần Minh Long	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
404	10A15	Nguyễn Ngọc Khánh Ly	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
405	10A02	Vì Ngọc Khánh Ly	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
406	10A17	Võ Thị Ly Ly	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
407	10A11	Nguyễn Hoàng Lý	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
408	10A19	Trần LyNa	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
409	10A17	Lê Thanh Mai	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
410	10A10	Nguyễn Hoa Mai	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
411	10A14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
412	10A01	Phạm Thị Thanh Mai	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
413	10A04	Phạm Xuân Mai	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
414	10A01	Trương Quỳnh Thanh Mai	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
415	10A13	Huỳnh Minh Mẫn	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
416	10A01	Trần Ngọc Tuệ Mẫn	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
417	10A20	Hà Trương Ngọc Mến	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
418	10A15	Đặng Chí Minh	Nam		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
419	10A11	Đặng Vũ Phúc Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
420	10A16	Đỗ Quang Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
421	10A20	Đỗ Uyên Minh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
422	10A10	Dương Gia Minh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
423	10A12	Hồ Văn Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
424	10A02	Huỳnh Ngọc Minh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
426	10A08	Nguyễn Cao Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
427	10A20	Nguyễn Công Minh	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
428	10A08	Nguyễn Hoàng Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
429	10A05	Nguyễn Hoàng Bảo Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
430	10A04	Nguyễn Hoàng Đức Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
431	10A02	Phạm Đình Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
432	10A05	Phạm Quang Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
433	10A08	Tạ Hữu Hoàng Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
434	10A11	Trần Đào Quang Minh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
435	10A03	Trần Lê Tuyết Minh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
436	10A09	Trần Quốc Minh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
437	10A19	Võ Ngọc Minh	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
438	10A06	Lê Nguyễn Thảo My	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
439	10A12	Lê Phúc Trà My	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
440	10A15	Lê Uyên Hà My	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
441	10A17	Nguyễn Lê Trà My	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
442	10A03	Nguyễn Ngọc Hoài My	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
443	10A14	Nguyễn Ngọc Thảo My	Nữ		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
444	10A15	Nguyễn Ngọc Trà My	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
445	10A01	Trần Hà My	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
446	10A07	Trần Ngọc ThảoMy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
447	10A10	Hoàng Ngọc Mỹ	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
448	10A05	Trần Hoàng Kim Mỹ	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
449	10A10	Kim Yù Na	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
451	10A12	Bùi An Nam	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
452	10A12	Đỗ Nhật Nam	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
453	10A09	Lê Doãn Hoài Nam	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
454	10A16	Lê Phương Nam	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
455	10A15	Lương An Nam	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
456	10A12	Nguyễn Bùi Kỳ Nam	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
457	10A01	Phạm Bảo Nam	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
458	10A15	Phạm Nguyễn Khánh Nam	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
459	10A16	Thân Đức Nam	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
460	10A07	Tô Phương Nam	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
461	10A09	Trần Hạo Nam	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
463	10A12	Văn Nhật Nam	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
464	10A03	Hoàng Phương Thiên Nga	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
465	10A14	Nguyễn Huỳnh Thiên Nga	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
466	10A11	Nguyễn Thị Tố Nga	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
467	10A20	Trương Thị Phương Nga	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
468	10A08	Bùi Thị Thu Ngân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
469	10A07	Đoàn Thiên Ngân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
470	10A19	Hoàng Kim Ngân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
471	10A01	Kim Ngô Hoàng Ngân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
472	10A14	Nguyễn Đăng Diệu Ngân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
473	10A15	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	Nữ		Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
474	10A12	Nguyễn Trương Bảo Ngân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
475	10A19	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
476	10A18	Trần Thị Kim Ngân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
477	10A18	Vũ Thị Tuyết Ngân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
478	10A05	Hà Trần Phương Nghi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
479	10A03	Hoàng Phương Nghi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
480	10A14	Huỳnh Mẫn Nghi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
481	10A07	Lê Nguyễn Đông Nghi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
482	10A18	Nguyễn Hồng Nghi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
483	10A15	Nguyễn Phạm Gia Nghi	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
484	10A08	Thái Thiên Nghi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
486	10A16	Nguyễn Thanh Nghi	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
487	10A16	Nguyễn Ngọc Trọng Nghĩa	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
488	10A20	Cao Thị Bảo Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
490	10A20	Dương Ánh Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
491	10A09	Hà Đình Bảo Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
492	10A17	Hoàng Thanh Bảo Ngọc	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
493	10A07	Lê Bảo Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
494	10A17	Lê Hoài Bảo Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
495	10A19	Lê Hữu Ngọc	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
496	10A07	Lê Minh Ngọc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
497	10A06	Nguyễn Ánh Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
498	10A07	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
499	10A08	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
500	10A14	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
501	10A08	Nguyễn Như Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
502	10A06	Nguyễn Thanh Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
503	10A06	Nguyễn Thiên Bảo Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
504	10A13	Nguyễn Trần Hồng Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
505	10A04	Phạm Thị Như Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
506	10A04	Phan Thị Hồng Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
507	10A03	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
508	10A18	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
509	10A16	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
510	10A18	Trần Thị Thanh Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
511	10A02	Trương Lê Bảo Ngọc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
512	10A20	Võ Thanh Ngọc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
513	10A08	Lê Khôi Nguyên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
514	10A20	Mai Lê Nguyên	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
515	10A13	Nguyễn Phúc Khôi Nguyên	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
516	10A02	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
517	10A17	Nguyễn Vũ Khôi Nguyên	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
518	10A12	Phan Lê Nguyên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
519	10A10	Trần Ngô Hoàng Nguyên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
520	10A09	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
521	10A14	Võ AnNguyễn	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
522	10A14	Phan Như Nguyệt	Nữ		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
523	10A20	Đoàn Thanh Nhã	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
524	10A04	Phạm Lê Thanh Nhã	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
525	10A18	Đỗ Thiện Nhân	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
526	10A13	Hoàng Thành Nhân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
527	10A18	Huỳnh Chí Nhân	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
528	10A11	Nguyễn Thành Nhân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
529	10A11	Nguyễn Thiện Nhân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
530	10A09	Nguyễn Trần Trọng Nhân	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
531	10A20	Nguyễn Minh Nhật	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
532	10A11	Phan Minh Nhật	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
533	10A14	Trần Khánh Nhật	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
534	10A19	Bùi Bảo Nhi	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
535	10A08	Đặng Phạm Thảo Nhi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
536	10A17	Đinh Ngọc Sương Nhi	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
537	10A18	Huỳnh Băng Nhi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
538	10A05	Lê Trần Bảo Nhi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
539	10A06	Lưu Ngọc Vân Nhi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
540	10A03	Phạm Hồ Minh Nhi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
541	10A15	Phạm Khánh Nhi	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
542	10A20	Son Thị Yên Nhi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
543	10A14	Tạ Lê Uyên Nhi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
544	10A07	Trần Hoàng Tuyết Nhi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
545	10A06	Trần Ngọc Xuân Nhi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
546	10A19	Trần Thị Thảo Nhi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
547	10A11	Vũ Ngọc Liên Nhi	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
548	10A04	Trần Thảo Nhiên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
550	10A07	Lê Minh Như	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
551	10A12	Nguyễn Hoàng Khánh Như	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
552	10A14	Nguyễn Ngọc Khánh Như	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
553	10A03	Phan Thị Tuyết Như	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
554	10A10	Phan Tuệ Như	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
555	10A01	Trần Minh Như	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
556	10A13	Võ Nguyễn Quỳnh Như	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
557	10A18	Vũ Quỳnh Như	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
558	10A18	Lê Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
559	10A16	Võ Nguyễn Phương Nhung	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
560	10A03	Vũ Thùy Nhung	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
561	10A18	Nguyễn Minh Nhựt	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
562	10A09	Hà Trần Kim Oanh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
563	10A20	Nguyễn Hoàng Thục Oanh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
564	10A02	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
565	10A19	Nguyễn Võ Nhật Oanh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
566	10A10	Cao Lê Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
567	10A11	Cao Tiến Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
568	10A07	Đỗ Hữu Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
569	10A01	Lương Hữu Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
570	10A12	Nguyễn Duy Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
571	10A01	Nguyễn Thành Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
572	10A19	Nguyễn Thiên Phát	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
573	10A17	Nguyễn Thiên Phát	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
574	10A02	Nguyễn Tiến Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
575	10A13	Nguyễn Vũ Tấn Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
576	10A13	Tô Minh Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
577	10A13	Trần Đức Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
578	10A05	Trần Thành Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
579	10A03	Trương Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
580	10A15	Võ Thành Phát	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
581	10A14	Võ Trần Minh Phát	Nam		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
582	10A19	Vũ Kiên Phát	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
583	10A16	Vũ Trần Duy Phát	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
584	10A01	Nguyễn Hoàng Phi	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
585	10A05	Nguyễn Hải Phong	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
586	10A15	Nguyễn Hoài Phong	Nam		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
587	10A09	Nguyễn Khánh Phong	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
588	10A01	Thạch Quốc Phong	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
589	10A12	Trịnh Xuân Phong	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
590	10A16	Trương Thành Phong	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
591	10A10	Võ Hoàng Thanh Phong	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
592	10A11	Xa Tổng Thanh Phong	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
593	10A16	Đình Thiên Phú	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
594	10A03	Đình Vinh Phú	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
595	10A10	Lại Đình Thiên Phú	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
596	10A12	Phạm Lê Phú	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
597	10A03	Võ Trần Thiên Phú	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
598	10A05	Đặng Nguyên Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
599	10A18	Đình Nhật Phúc	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
600	10A04	Giang Thanh Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
601	10A14	Hồ Đại Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
602	10A07	Hoàng Đình Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
603	10A05	Lê Hà Minh Phúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
604	10A17	Nguyễn Bảo Phúc	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
605	10A07	Nguyễn Gia Phúc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
606	10A08	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
607	10A09	Phan Thị Kim Phúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
608	10A13	Trần Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
609	10A10	Trần Hà Phúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
610	10A06	Trần Nguyên Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
611	10A15	Võ Đình Phúc	Nam		Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
612	10A12	Võ Hồng Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
613	10A03	Võ Trần Thiên Phúc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
614	10A05	Vũ Bảo Phúc	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
615	10A13	Võ Long Phụng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
616	10A10	Lê Gia Phước	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
617	10A06	Lê Hồng Phước	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
618	10A07	Chung Nguyễn Kiều Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
619	10A18	Đặng Thùy Bích Phương	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
620	10A01	Lê Thị Thu Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
621	10A08	Nguyễn Hồng Trúc Phương	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
622	10A01	Nguyễn Ngọc Nhã Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
623	10A04	Nguyễn Thu Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
624	10A15	Nguyễn Trần Mai Phương	Nữ		Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
625	10A14	Phạm Minh Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
626	10A02	Phạm Thanh Phương	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
628	10A20	Trần Nguyễn Lan Phương	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
629	10A08	Trần Thu Phương	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
630	10A09	Trần Thu Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
631	10A06	Phạm Ngọc Phương	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
632	10A11	Đỗ Anh Quân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
633	10A20	Đoàn Minh Quân	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
634	10A04	Hồ Hải Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
635	10A11	Lê Nguyễn Minh Quân	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
636	10A04	Nguyễn Bùi Nhật Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
637	10A08	Nguyễn Duy Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
638	10A07	Nguyễn Lê Hải Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
639	10A16	Nguyễn Minh Quân	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
640	10A08	Nguyễn Minh Quân	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
641	10A08	Phạm Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
642	10A10	Phan Nguyễn Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
643	10A11	Trần Hoàng Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
644	10A05	Trần Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
645	10A03	Trịnh Thị Khiết Quân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
646	10A13	Trương Minh Quân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
647	10A01	Lương MinhQuang	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
648	10A09	Phạm Ngọc Phú Quý	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
649	10A14	Nguyễn Hoàng Nam Quốc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
650	10A04	Nguyễn Minh Quý	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trúng tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
651	10A20	Bùi Đoàn Tú Quyên	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
652	10A01	Nguyễn Thụy Thanh Quyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
653	10A19	Phạm Tô Quyên	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
654	10A06	Quảng Ngọc Tú Quyên	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
655	10A20	Đào Thị Như Quỳnh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
656	10A08	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
657	10A12	Nguyễn Võ Như Quỳnh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
658	10A09	Trần Phương Quỳnh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
659	10A14	Vũ Nguyễn Xuân Quỳnh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
660	10A09	Lê Nguyễn Hoàng Thanh Sang	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
661	10A10	Nguyễn Hoàng Sang	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
662	10A11	Nguyễn Thái Sơn	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
663	10A12	Vũ Thế Sơn	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
664	10A04	Nguyễn Thành Sỹ	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
665	10A04	Huỳnh Thế Văn Tài	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
666	10A04	Lê Bá Đức Tài	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
667	10A03	Nguyễn Ngọc Thành Tài	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
668	10A16	Phan Bùi Thành Tài	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
669	10A12	Vũ Thành Tài	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
670	10A14	Đồng Thị Minh Tâm	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
671	10A07	Hồ Thị Thanh Tâm	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
672	10A06	Hoàng Thị Minh Tâm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
673	10A02	Lê Thị Minh Tâm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
674	10A01	Nguyễn Hiền Tâm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
675	10A10	Nguyễn Tất Phúc Tâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
676	10A02	Phạm Minh Tâm	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
677	10A15	Trần Ngọc Thanh Tâm	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
678	10A11	Nguyễn Chí Tân	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
679	10A13	Lương Hoàng Tân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
680	10A04	Lưu Xuân Thái	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
681	10A09	Cao Lê Bách Thắng	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
682	10A02	Đặng Nguyễn Hữu Thắng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
683	10A13	Trần Quốc Thắng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
684	10A02	Võ Trường Thắng	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
685	10A14	Nguyễn Hà Thanh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
686	10A20	Nguyễn Ngọc Thiên Thanh	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
687	10A03	Ngô Trường Thành	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
688	10A03	Phan Tấn Ngọc Thành	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
689	10A05	Trần Quang Thành	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
690	10A19	Đặng Hương Thảo	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
691	10A01	Hồ Lê Phương Thảo	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
692	10A17	Huỳnh Phạm Thu Thảo	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
693	10A06	Huỳnh Trần Ngọc Thảo	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
694	10A12	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
695	10A06	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
696	10A15	Nguyễn Trần Thanh Thảo	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
697	10A15	Nguyễn Võ Ngọc Thảo	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
698	10A18	Phạm Phương Thảo	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
699	10A15	Phạm Thanh Thảo	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
700	10A06	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
701	10A05	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
702	10A10	Trần Thu Thảo	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
703	10A16	Lê Hoàng Nhã Thi	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
704	10A04	Châu Hải Thiên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
705	10A12	Đào Ngọc Xuân Thiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
706	10A18	Đoàn Duy Thiên	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
707	10A01	Nguyễn Bảo Thiên	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
708	10A14	Nguyễn Ngọc Quốc Thiên	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
709	10A11	Nguyễn Phúc Thiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
710	10A10	Phạm Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
711	10A09	Phạm Quốc Thiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
712	10A03	Cù Lâm Duy Thiện	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
713	10A09	Trần Lê Ngọc Thiện	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
714	10A13	Vũ Trí Thiện	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
715	10A16	Nguyễn Dương Gia Thịnh	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
716	10A06	Dương Hà Anh Thơ	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
717	10A16	Phan Lê Anh Thơ	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
718	10A08	Trương Anh Thơ	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
719	10A12	Mai Phúc Thọ	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
720	10A11	Dương Quang Thông	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
721	10A10	Bùi Thị Minh Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
722	10A17	Đặng Minh Thư	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
723	10A20	Đặng Quỳnh Minh Thư	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
724	10A16	Đỗ Anh Thư	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
725	10A13	Dương Huỳnh Anh Thư	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
726	10A16	Hà Linh Thư	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
727	10A06	Hoàng Lê Anh Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
728	10A09	Lê Anh Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
729	10A19	Lê Minh Thư	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
730	10A19	Lê Ngọc Anh Thư	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
731	10A19	Lê Nguyễn Minh Thư	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
732	10A18	Lưu Phạm Anh Thư	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
733	10A16	Nguyễn Hoài Anh Thư	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
734	10A15	Nguyễn Hoàng Minh Thư	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
735	10A06	Nguyễn Nhật Anh Thư	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
736	10A19	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
737	10A01	Phạm Ngọc Anh Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
738	10A10	Tạ Anh Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
739	10A20	Trần Ngọc Minh Thư	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
741	10A02	Võ Ngọc Hoàng Thư	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
742	10A06	Võ Ngọc Minh Thư	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
743	10A14	Vũ Nguyễn Anh Thư	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
744	10A16	Phạm Bá Thuận	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
745	10A07	Zhou Thúc	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
746	10A10	Đinh Nguyễn Cẩm Thúy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
747	10A13	Mai Hoàng Minh Thủy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
748	10A02	Bùi Ngô Diễm Thúy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
749	10A09	Phạm Thị Phương Thúy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
750	10A07	Phạm Nguyễn Diễm Thùy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
751	10A08	Phạm Nguyễn Phương Thủy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
752	10A06	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
753	10A06	Trương Thanh Thủy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
754	10A15	Đỗ Việt Thy	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
755	10A20	Lê Ngọc Anh Thy	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
756	10A11	Nguyễn Vũ Bảo Thy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
757	10A07	Võ Ngọc Anh Thy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
758	10A01	Hoàng Ngọc Thủy Tiên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
759	10A06	Lê Thị Cẩm Tiên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
760	10A19	Lê Thị Ngọc Tiên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
761	10A11	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
762	10A04	Lê Trọng Minh Tiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
763	10A16	Nguyễn Đình Tiên	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
764	10A11	Nguyễn Thanh Tiên	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
765	10A19	Trần Thăng Tiên	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
766	10A10	Trần Việt Tiến	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
767	10A13	Lê Đức Tín	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
768	10A02	Nguyễn Văn Tịnh	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
769	10A08	Doãn Văn Toàn	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
770	10A18	Huỳnh Anh Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
771	10A20	Huỳnh Nguyễn Bảo Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
772	10A17	Huỳnh Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
773	10A03	Huỳnh Nguyễn Thùy Trâm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
774	10A17	Lưu Ngọc Bảo Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
775	10A17	Lưu Ngọc Quỳnh Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
776	10A18	Ngô Thủy Bảo Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
777	10A15	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Công nghệ
778	10A16	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
779	10A08	Phan Thị Thùy Trâm	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
780	10A01	Vũ Hoàng Bảo Trâm	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
781	10A20	Hoàng Trần Bảo Trâm	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
782	10A16	Đặng Hoàng Bảo Trân	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
783	10A04	Đỗ Trà Bảo Trân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
784	10A19	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
785	10A09	Nguyễn Phạm Huyền Trân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
786	10A06	Nguyễn Vũ Khánh Trân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
787	10A06	Trần Lê Bảo Trân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
788	10A03	Nguyễn Lê Bảo Trân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
789	10A13	Đào Ngọc Bảo Trang	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
790	10A02	Lê Nguyễn Thùy Trang	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
791	10A04	Nguyễn Hà Trang	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
792	10A10	Nguyễn Ngọc Uyên Trang	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
793	10A15	Nguyễn Phạm Thảo Trang	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
794	10A06	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
795	10A19	Thân Thùy Trang	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
796	10A03	Trần Ngọc Phương Trang	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
797	10A09	Trần Ngọc Phương Trang	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
798	10A14	Võ Thị Bảo Trang	Nữ		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
799	10A12	Đỗ Minh Trí	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
800	10A13	Nguyễn Đoàn Minh Trí	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
801	10A09	Nguyễn Mạnh Trí	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
802	10A13	Nguyễn Minh Trí	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
803	10A17	Quách Đức Trí	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
804	10A12	Trần Trí	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
805	10A11	Trương Minh Trí	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
806	10A07	Trần Minh Triết	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
807	10A04	Phạm Gia Triều	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
808	10A15	Huỳnh Ngọc Phương Trinh	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
809	10A17	Lưu Phương Trinh	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
810	10A13	Nguyễn Trần Thúy Trinh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
811	10A12	Trần Đình Trọng	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
812	10A11	Cao Thanh Trúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
813	10A05	Đinh Thanh Trúc	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
814	10A15	Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
815	10A19	Lê Huyền Bảo Trúc	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
816	10A05	Lê Trần Nhã Trúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
817	10A10	Phạm Thanh Trúc	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
818	10A17	Văn Trần Thanh Trúc	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
819	10A02	Nguyễn Thành Trung	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
820	10A05	Nguyễn Việt Trung	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
821	10A07	Nguyễn Xuân Trung	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
822	10A07	Võ Ngọc Hoàng Trung	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
823	10A08	Trần Lê Phúc Trương	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
824	10A17	Hoàng Văn Trường	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
825	10A16	Nguyễn Xuân Trường	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
826	10A08	Đào Tuấn Tú	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
827	10A13	Lưu Tuấn Tú	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
828	10A14	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
829	10A14	Phạm Phước Tuấn Tú	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
831	10A08	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
832	10A01	Nguyễn Thanh Tùng	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
833	10A18	Lê Nguyễn Cát Tường	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
834	10A06	Nguyễn Thụy Cát Tường	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
835	10A02	Trần Thị Ngọc Tuyền	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
836	10A16	Trần Thái ThanhTuyền	Nữ	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
837	10A01	Dư Thị Bé Ty	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
838	10A07	Đoàn Thị Hoàng Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
839	10A11	Hồ Gia Nhã Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
840	10A06	Khúc Thị Tú Uyên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
841	10A20	Lê Nguyễn Thu Uyên	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
842	10A10	Lê Nhã Uyên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
843	10A04	Lê Thảo Uyên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
844	10A14	Ngô Thảo Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
845	10A08	Nguyễn Lương Thu Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
846	10A17	Nguyễn Trần Phương Uyên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
847	10A05	Phạm Thị Phương Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
848	10A10	Trần Châu Uyên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
849	10A20	Trần Lê Phương Uyên	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
850	10A17	Trần Nguyễn Đan Uyên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trung tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
851	10A18	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
852	10A04	Khuru Kiến Văn	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
853	10A11	Thòng Gia Văn	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
854	10A18	Đặng Đỗ Kiều Vi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
855	10A09	Đinh Nguyễn Uyên Vi	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
856	10A19	Nguyễn Hải Vi	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
857	10A16	Nguyễn Ngọc Thuý Vi	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
858	10A17	Trịnh Tường Vi	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
859	10A11	Nguyễn Trọng Vĩ	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
860	10A09	Đậu Đình Quốc Việt	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
861	10A02	Huỳnh Quang Việt	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
862	10A08	Trần Hà Ngọc Việt	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
863	10A07	Trần Quốc Việt	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
864	10A10	Huỳnh Nguyễn Quang Vinh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
865	10A13	Lê Hoàng Vinh	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
866	10A04	Lê Quang Vinh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
867	10A01	Mai Xuân Phú Vinh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
868	10A17	Nguyễn Quốc Vinh	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
869	10A09	Đoàn Phong Vũ	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
870	10A10	Hà Tuấn Vũ	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
871	10A09	Hồ Huy Vũ	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
872	10A05	Hoàng Đình Vũ	Nam		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
873	10A07	Nguyễn Lương Hoàng Vũ	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
874	10A06	Nguyễn Trần Công Vũ	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
875	10A19	Bùi Đào Khánh Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
876	10A18	Bùi Thảo Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
877	10A20	Cao Trần Phương Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
879	10A05	Đinh Phương Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ
880	10A15	Hồ Ngọc Yên Vy	Nữ		Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
881	10A03	Hoàng Mai Vy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
882	10A16	Lê Hoàng Phương Vy	Nữ		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
883	10A08	Lê Thị Thảo Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
884	10A14	Nguyễn Đào Yên Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
885	10A15	Nguyễn Lan Vy	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
886	10A04	Nguyễn Thị Yên Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
887	10A20	Nguyễn Thúy Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
888	10A18	Nguyễn Trần Tường Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
889	10A08	Nguyễn Trần Tường Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
890	10A15	Phạm Uyên Vy	Nữ		Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
891	10A11	Phan Trần Thảo Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
892	10A11	Trần Đoàn Thanh Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
893	10A09	Trần Hạ Vy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
894	10A14	Trần Hoàng Thảo Vy	Nữ		Vật lý, Hóa học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
895	10A19	Trần Thị Tuyết Vy	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
896	10A14	Võ Bùi Phương Vy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
897	10A15	Vũ Phương Vy	Nữ	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Kinh tế và Pháp luật
898	10A14	Nguyễn Chí Vỹ	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
899	10A05	Phan Đình Vỹ	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
900	10A17	Dương Đoàn Thanh Xuân	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2024-2025

STT trúng tuyển	Lớp	Họ và tên	Giới tính	Bán trú	Môn học lựa chọn
901	10A03	Võ Ngọc Minh Xuân	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
902	10A06	Tô Hoài Như Ý	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Kinh tế và Pháp luật
903	10A07	Tô Ngọc Như Ý	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
904	10A17	Lê Bảo Yên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
905	10A01	Lê Hoàng Yên	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
906	10A08	Lý Hải Yên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
907	10A04	Mạch Gia Yên	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học
908	10A19	Nguyễn Hoàng Yên	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
909	10A10	Nguyễn Thị Ngọc Yên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Địa lý
910	10A18	Phạm Hoàng Yên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
911	10A17	Trần Hải Yên	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
912	10A01	Trần Nguyễn Hải Yên	Nữ		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
913	10A07	Trần Nguyễn Hà Linh	Nữ		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
914	10A16	Phạm Hoàng Kỳ	Nam		Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
915	10A17	Nguyễn Đức Phát	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
916	10A11	Lâm Vũ Bảo Thy	Nữ	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ
917	10A18	Nguyễn Gia Huy	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
918	10A01	Trần Văn Tân	Nam		Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý
919	10A07	Hà Minh Khôi	Nam		Vật lý, Hóa học, Tin học, Kinh tế và Pháp luật
920	10A15	Mai Nguyễn Phương Nam	Nam	Bán trú	Hóa học, Sinh học, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật
921	10A16	Trần Quang Long	Nam	Bán trú	Vật lý, Địa lý, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
922	10A17	Nguyễn Thảo My	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
923	10A17	Trần Nữ Trúc Phương	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
924	10A19	Lê Nguyễn Quang Khiêm	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
925	10A20	Lê Hoàng Quân	Nam	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
926	10A05	Vũ Nguyễn Duy Khánh	Nam	Bán trú	Vật lý, Hóa học, Địa lý, Công nghệ
927	10A18	Phạm Ngọc Minh Phương	Nữ	Bán trú	Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
928	10A19	Trần Thanh Thảo	Nữ		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
929	10A17	Triệu Nhân Phục	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ
930	10A20	Hoàng Đức Nam	Nam		Địa lý, Tin học, Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ